

**CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU  
THỦY SẢN MIỀN TRUNG**  
Số: 45.../CV-CBTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*V/v CBTT Báo cáo tài chính năm 2025  
đã kiểm toán*

*Đà Nẵng, ngày 13 tháng 02 năm 2026*

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**I. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

1. Tên đơn vị: **CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**
2. Mã chứng khoán: **SPD**
3. Địa chỉ trụ sở chính: **Số 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng**
4. Điện thoại/ Phone: **0236 3821436** Fax: **0236 3921958**
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Bà Trần Như Thiên My - Tổng Giám đốc Công ty, Người đại diện theo pháp luật.**
6. Loại thông tin công bố: **Định kỳ**

**II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung xin Công bố thông tin **Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.**

Thông tin này sẽ được đăng tải tại trang web điện tử của Công ty vào ngày 13/02/2026 tại đường dẫn [www.seadanang.com.vn](http://www.seadanang.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Trân trọng thông báo!***

**CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký.



*Trần Như Thiên My*

Số: 16./CV-CT

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 02 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung

- Mã chứng khoán: SPD
- Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0236 3821436
- Email: [info@seadanang.com.vn](mailto:info@seadanang.com.vn) Website: [seadanang.com.vn](http://seadanang.com.vn)
- Nội dung thông tin công bố:
- BCTC năm 2025

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán năm 2025):

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 13/02/2026 tại đường dẫn: <http://seadanang.com.vn/vn/quan-he-co-dong/>



## CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN MIỀN TRUNG

**Tổng Giám đốc**



*Trần Như Thiên My*

### Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025;
- Công văn số 12/CV-CT về việc “Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025”.
- Công văn số 13/CV-CT về việc “Giải trình về ý kiến ngoại trừ của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025”

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU  
THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

---

### **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>1 – 2</b>
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	<b>3 – 4</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 48

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch
Ông Đỗ Mạnh Linh	Thành viên
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên
Ông Phạm Trường Giang	Thành viên

**Ban kiểm soát**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Quốc Việt	Trưởng ban
Ông Vũ Văn Đông	Thành viên
Bà Phạm Thị Thúy Hằng	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Như Thiên My	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Phương	Kế toán trưởng

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Trần Như Thiên My - Tổng Giám đốc.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: [www.ecovis.com/vietnam/audit](http://www.ecovis.com/vietnam/audit))

#### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Như Thiên My  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2026



Số: 21/2026/BCKT-E.AFA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 02 năm 2026 từ trang 5 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại Thuyết minh số 4.2, Kiểm toán viên không thu thập được Báo cáo tài chính cũng như các thông tin báo cáo tài chính của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP Đầu tư New City Seadanang, các thủ tục thay thế cũng không thực hiện được. Tổng giá gốc của khoản đầu tư liên kết nêu trên tại ngày 31/12/2025 là 18.365.570.000 VND. Với hạn chế này chúng tôi không thể xem xét việc dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo quy định. Do hạn chế phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về ảnh hưởng của khoản đầu tư nêu trên đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Hà Định**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2883-2024-240-1

Người được uỷ quyền

**Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**  
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2026

**Cao Đức Trọng**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 5439-2026-240-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Mẫu B 01 - DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>297.299.237.010</b>	<b>318.932.378.271</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>15.709.682.750</b>	<b>27.824.800.204</b>
1. Tiền	111		4.054.394.352	16.363.617.973
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.655.288.398	11.461.182.231
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>66.002.579.260</b>	<b>64.359.741.949</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	150.090.634.703	150.937.776.682
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	5.777.413.173	3.650.905.253
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.536.903.383	1.173.432.013
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(91.402.371.999)	(91.402.371.999)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>209.062.139.005</b>	<b>222.310.651.960</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.7	209.062.139.005	222.310.651.960
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.524.835.995</b>	<b>4.437.184.158</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	3.430.715.141	2.344.583.679
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.094.120.854	2.091.251.590
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	-	1.348.889
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>83.433.819.909</b>	<b>91.896.760.321</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>60.988.932.361</b>	<b>68.878.578.433</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	58.095.207.321	65.934.228.394
Nguyên giá	222		275.617.007.788	272.479.543.429
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(217.521.800.467)	(206.545.315.035)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	2.893.725.040	2.944.350.039
Nguyên giá	228		5.391.374.111	5.391.374.111
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.497.649.071)	(2.447.024.072)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.2</b>	<b>21.987.085.136</b>	<b>21.987.177.440</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.365.570.000	18.365.570.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.121.515.136	2.121.607.440
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.500.000.000	1.500.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>457.802.412</b>	<b>1.031.004.448</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	457.802.412	1.031.004.448
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>380.733.056.919</b>	<b>410.829.138.592</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Mẫu B 01 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>241.042.860.331</b>	<b>278.643.500.803</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>237.927.956.305</b>	<b>272.247.788.111</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	7.704.796.511	4.631.888.694
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	-	40.777.829
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	1.023.046.728	817.519.971
4. Phải trả người lao động	314	4.14	14.171.991.525	12.409.150.714
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	3.554.061.884	2.464.212.660
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	227.156.000	340.556.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	3.909.915.486	3.371.820.333
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	206.964.123.853	247.691.831.592
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		372.864.318	480.030.318
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.114.904.026</b>	<b>6.395.712.692</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	3.114.904.026	6.395.712.692
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>139.690.196.588</b>	<b>132.185.637.789</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.19</b>	<b>139.690.196.588</b>	<b>132.185.637.789</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(101.650.000)	(101.650.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.388.233.760	11.388.233.760
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.403.612.828	899.054.029
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		899.054.029	(7.449.803.343)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.504.558.799	8.348.857.372
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>380.733.056.919</b>	<b>410.829.138.592</b>



Trần Thị Thiên My,  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2026

Lê Thanh Phương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Việt  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Mẫu B 02 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	825.442.539.090	725.504.205.728
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	113.442.859	188.823.328
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		825.329.096.231	725.315.382.400
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	753.092.532.131	655.920.532.658
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.236.564.100	69.394.849.742
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	8.038.165.244	7.255.300.991
7. Chi phí tài chính	22	5.5	13.847.913.837	17.006.952.260
Trong đó, chi phí lãi vay	23		11.110.522.039	13.701.377.359
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	15.623.462.828	15.243.799.015
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	40.466.985.078	35.941.804.255
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.336.367.601	8.457.595.203
11. Thu nhập khác	31	5.8	217.932.363	1.066.477.665
12. Chi phí khác	32	5.9	540.437.121	371.393.418
13. Lợi nhuận khác	40		(322.504.758)	695.084.247
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.013.862.843	9.152.679.450
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	2.509.304.044	803.822.078
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.504.558.799	8.348.857.372
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.5	625	696
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.6	625	696

Trần Như Thiên My  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2026

Lê Thanh Phương  
Kế toán trưởngNguyễn Thị Việt  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Mẫu B 03-DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		828.139.895.029	733.778.687.890
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(650.271.625.845)	(629.256.649.821)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(110.778.110.024)	(104.699.805.843)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(11.144.583.081)	(13.911.178.043)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.351.302.849)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		14.584.206.926	25.440.817.206
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(30.754.469.971)	(39.363.351.733)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>37.424.010.185</b>	<b>(28.011.480.344)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.092.932.469)	(9.660.225.875)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		92.304	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		565.028.442	612.656.825
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.527.811.723)</b>	<b>(9.047.569.050)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	735.389.207.348	721.181.339.001
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(779.397.723.753)	(681.048.422.250)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(54.243.535)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(44.008.516.405)</b>	<b>40.078.673.216</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(12.112.317.943)</b>	<b>3.019.623.822</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		27.824.800.204	24.773.347.109
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		(2.799.511)	31.829.273
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>		<b>15.709.682.750</b>	<b>27.824.800.204</b>

**Trần Nhữ Phiến My**  
**Tổng Giám đốc**

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2026

**Lê Thanh Phương**  
**Kế toán trưởng****Nguyễn Thị Việt**  
**Người lập**



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Mẫu số B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung theo Quyết định số 774/QĐ - BTS ngày 28/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400100778 ngày 14/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 21 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/09/2025.

Ngày 16/03/2010, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận giao dịch cổ phiếu của Công ty trên Upcom với mã SPD. Ngày 22/04/2010, Công ty có phiên giao dịch đầu tiên trên Upcom.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 877 (31 tháng 12 năm 2024 là: 948).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thương mại, sản xuất và chế biến thủy hải sản.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy sản: Chế biến thủy, hải sản xuất khẩu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Đầu tư tài chính;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho; Cho thuê nhà và văn phòng;
- Kinh doanh các mặt hàng, lĩnh vực khác pháp luật cho phép...

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 01 công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty liên doanh, liên kết:</b>				
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang	31 Ngũ Hành Sơn, P. Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng	23,44%	23,44%	23,44%



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2025 gồm:

Tên	Địa chỉ
Công ty Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Thọ Quang	Số 01 Bùi Quốc Hưng - Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản	Lô 7A, khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Bàn Đông, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3.4. Đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

**3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b>Năm 2025</b>	
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25	năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 12	năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 07	năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06	năm

### **3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### ***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất tại phường Bình Đông, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, diện tích 3078 m<sup>2</sup>.
- Giá trị quyền sử dụng đất 261-263 Phan Châu Trinh, phường Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam, diện tích 301,2 m<sup>2</sup>.
- Giá trị quyền sử dụng đất tại 166 Nguyễn Công Trứ, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, diện tích 90,45m<sup>2</sup>.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

### **3.9. Thuê tài sản**

#### ***Thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.10. Cho thuê tài sản**

***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/ phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.12. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.13. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.14. Chi phí đi vay**

***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.15. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.16. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

**3.17. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ Công ty.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.18. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**3.20. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.21. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

**3.22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.23. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và các mức thuế suất tính thuế TNDN như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 15% đối với thu nhập từ chế biến trong lĩnh vực thủy sản;
- Áp dụng mức thuế suất 20% đối với các thu nhập khác.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Áp dụng mức thuế suất 5% đối với hoạt động bán hải sản trong nước;
- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động mua bán vật tư và cho thuê kho. Được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với hoạt động mua bán vật tư kể từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025 theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và từ ngày 01/07/2024 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ;
- Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.25. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.26. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7

**3.27. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ		77.344.045		164.511.699
+ VND		77.344.045		164.511.699
Tiền gửi ngân hàng		3.977.050.307		16.199.106.274
+ VND		2.041.915.824		5.499.016.438
+ USD	74.079,45 #	1.935.134.483	423.462,47 #	10.700.089.836
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		11.655.288.398		11.461.182.231
<b>Cộng</b>		<b>15.709.682.750</b>		<b>27.824.800.204</b>

Chi tiết Hợp đồng tiền gửi kỳ có kỳ hạn như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn số tiền 10.905.288.398 VND được cầm cố theo Hợp đồng Cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 185/2022/VCB-ĐN ngày 31/10/2022 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.
- Tiền gửi có kỳ hạn số tiền 750.000.000 VND được cầm cố theo Hợp đồng Cầm cố số dư tiền gửi có kỳ hạn số 01/2024/HĐBĐ/NHCT486-SEA ngày 23/04/2024 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngũ Hành Sơn.

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 15.000 trái phiếu mệnh giá 100.000 VND của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, kỳ hạn 10 năm, lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 0,8%/năm, được chấp thuận mua vào ngày 20/07/2023.

Trái phiếu được thế chấp theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2023/HĐBĐ/NHCT486-SEA ngày 28/07/2023 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngũ hành Sơn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng
	VND			VND	
					Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết:					
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang (*)	18.365.570.000	-	-	18.365.570.000	-
<b>Cộng</b>	<b>18.365.570.000</b>	<b>-</b>		<b>18.365.570.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư vào đơn vị khác:					
Công ty CP Long Hậu (**)	2.121.515.136	-	3.978.530.400	2.121.607.440	-
<b>Cộng</b>	<b>2.121.515.136</b>	<b>-</b>	<b>3.978.530.400</b>	<b>2.121.607.440</b>	<b>-</b>

(\*) Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 cũng như các thông tin báo cáo tài chính của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP Đầu tư New City Seadanang để đánh giá việc trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Ngày 28/12/2020, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung gửi đến Công ty CP Đầu tư New City Seadanang thông báo số 281220/TB-TGD về việc hủy bỏ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐ.NC-SPD ngày 07/06/2016 kể từ ngày 05/01/2021.

Ngày 08/01/2021, Công ty đã nộp đơn phân tố đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu phân tố, ngày 18/02/2021 đã bổ sung đơn phân tố, nội dung phân tố bao gồm:

- Công nhận việc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung hủy bỏ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐ.NC-SPD ngày 07/09/2016 vì lý do Công ty CP Đầu tư New City Seadanang đã vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng hợp tác theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 điều 423 Bộ Luật dân sự 2015;
- Giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng hợp tác căn cứ theo quy định tại Điều 427 Bộ Luật dân sự 2015, cụ thể là: Khi hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐ.NC-SPD bị hủy bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết nên Công ty CP Đầu tư New City Seadanang phải hoàn trả, bàn giao các tài sản góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung đã bàn giao theo hợp đồng hợp tác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Đến nay, Tòa án chưa tiến hành các bước tiếp theo.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Long Hậu trên cơ sở giá niêm yết trên sản giao dịch chứng khoán tại ngày 31/12/2025 là 28.850 VND/cổ phiếu và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ là 137.904 cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Kyokuyo Co.,Ltd	4.440.352.445	13.455.159.482
Marubeni Seafoods Corporation	16.397.504.447	10.949.995.146
Maruha Nichiro Corporation	20.026.696.863	16.926.539.191
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	22.859.725.042	22.859.725.042
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân	19.180.435.650	19.180.435.650
Công ty Cổ phần Inox Hòa Bình	31.820.416.195	31.820.416.195
Các khách hàng khác	35.365.504.061	35.745.505.976
<b>Cộng</b>	<b>150.090.634.703</b>	<b>150.937.776.682</b>

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Sabri Food Products Private	-	3.163.445.280
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng NHL	743.360.619	184.948.000
B-One Business House PVT LTD	2.044.645.416	-
Công ty TNHH Auto Đà Nẵng	1.696.475.000	-
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Ytech	523.320.000	-
Các nhà cung cấp khác	769.612.138	302.511.973
<b>Cộng</b>	<b>5.777.413.173,0</b>	<b>3.650.905.253</b>

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	303.200.000	-	216.200.000	-
Ký quỹ mở LC UPAS	244.700.570	-	97.006.767	-
Tạm ứng	31.408.475	-	52.408.331	-
Phải thu bảo hiểm	650.828.854	-	524.065.426	-
Lãi dự thu	35.772.621	-	34.387.197	-
Phải thu khác	270.992.863	-	249.364.292	-
<b>Cộng</b>	<b>1.536.903.383</b>	<b>-</b>	<b>1.173.432.013</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	91.402.371.999	-	91.402.371.999	-
<b>Cộng</b>	<b>91.402.371.999</b>	<b>-</b>	<b>91.402.371.999</b>	<b>-</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ này đã tồn tại lâu và chưa thu hồi được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Inox Đại Phát	2.178.000.000	-	Từ 3 năm trở lên	2.178.000.000	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty CP Inox Hòa Bình	31.820.416.195	-	Từ 3 năm trở lên	31.820.416.195	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty TNHH Cơ Khí Đóng Tàu Hà Đức	3.812.860.589	-	Từ 3 năm trở lên	3.812.860.589	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty CP XNK Thép Phú Lâm	5.788.397.142	-	Từ 3 năm trở lên	5.788.397.142	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đức Quân	19.180.435.650	-	Từ 3 năm trở lên	19.180.435.650	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty CP Đầu tư 3GR	22.859.725.042	-	Từ 3 năm trở lên	22.859.725.042	-	Từ 3 năm trở lên
DNTN TMDV XNK Hợp Thành Công	2.022.218.557	-	Từ 3 năm trở lên	2.022.218.557	-	Từ 3 năm trở lên
Công ty TNHH TM Tân Vĩnh Thái	3.740.318.824	-	Từ 3 năm trở lên	3.740.318.824	-	Từ 3 năm trở lên
Cộng	91.402.371.999	-		91.402.371.999	-	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.330.043.768	-	6.820.177.857	-
Công cụ, dụng cụ	346.083.741	-	414.508.300	-
Chi phí SX, KD dở dang	202.386.011.496	-	214.696.379.093	-
Thành phẩm	-	-	379.586.710	-
<b>Cộng</b>	<b>209.062.139.005</b>	<b>-</b>	<b>222.310.651.960</b>	<b>-</b>

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối năm là 202.386.011.496 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tãng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quân lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	80.240.073.048	186.847.837.066	3.838.172.385	1.553.460.930	272.479.543.429
Mua trong năm	1.083.680.443	2.064.858.588	-	83.147.778	3.231.686.809
Giảm khác	(94.222.450)	-	-	-	(94.222.450)
Tại ngày 31/12/2025	81.229.531.041	188.912.695.654	3.838.172.385	1.636.608.708	275.617.007.788
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	70.831.434.864	131.016.200.272	3.285.611.080	1.412.068.819	206.545.315.035
Khấu hao trong năm	1.214.618.708	9.415.675.434	350.917.364	89.496.376	11.070.707.882
Giảm khác	(94.222.450)	-	-	-	(94.222.450)
Tại ngày 31/12/2025	71.951.831.122	140.431.875.706	3.636.528.444	1.501.565.195	217.521.800.467
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	9.408.638.184	55.831.636.794	552.561.305	141.392.111	65.934.228.394
Tại ngày 31/12/2025	9.277.699.919	48.480.819.948	201.643.941	135.043.513	58.095.207.321

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 36.809.738.890 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 167.006.555.566 VND.

Không có TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2025	5.062.374.111	329.000.000	5.391.374.111
Mua trong năm	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>5.062.374.111</b>	<b>329.000.000</b>	<b>5.391.374.111</b>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2025	2.201.899.071	245.125.001	2.447.024.072
Khấu hao trong năm	-	50.624.999	50.624.999
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>2.201.899.071</b>	<b>295.750.000</b>	<b>2.497.649.071</b>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	2.860.475.040	83.874.999	2.944.350.039
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>2.860.475.040</b>	<b>33.250.000</b>	<b>2.893.725.040</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.860.475.040 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.201.899.071 VND.

**4.10. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	220.262.331	-
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	312.508.497	13.050.003
Các khoản khác	2.897.944.313	2.331.533.676
<b>Cộng</b>	<b>3.430.715.141</b>	<b>2.344.583.679</b>
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	101.981.250	237.956.250
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	355.821.162	793.048.198
<b>Cộng</b>	<b>457.802.412</b>	<b>1.031.004.448</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Hải Nam	759.153.384	759.153.384	875.049.480	875.049.480
Công ty Cổ phần thủy sản Đà Nẵng	597.240.000	597.240.000	621.000.000	621.000.000
Công ty CP GEMADEPT Miền Trung	362.807.259	362.807.259	238.504.880	238.504.880
TOKAI DENPUN CO., LTD	1.580.351.578	1.580.351.578	-	-
Công ty Cổ phần Đông Á	928.397.916	928.397.916	-	-
Các đối tượng khác	3.476.846.374	3.476.846.374	2.897.334.334	2.897.334.334
<b>Cộng</b>	<b>7.704.796.511</b>	<b>7.704.796.511</b>	<b>4.631.888.694</b>	<b>4.631.888.694</b>

**4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Các khách hàng khác	-	40.777.829
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>40.777.829</b>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
	VND		VND		VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	-	34.932.655	2.343.668.665	2.322.433.903	-	13.697.893
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	961.823.273	2.509.304.044	2.351.302.849	-	803.822.078
Thuế thu nhập cá nhân	-	26.290.800	759.900.766	732.261.077	1.348.889	-
Thuế tài nguyên	-	-	75.641.760	75.641.760	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	969.121.409	969.121.409	-	-
Các loại thuế khác	-	-	194.151.634	194.151.634	-	-
Cộng	-	1.023.046.728	6.851.788.278	6.644.912.632	1.348.889	817.519.971

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.14. Phải trả người lao động**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả nhân viên bộ phận trực tiếp	10.414.953.464	9.087.876.572
Phải trả nhân viên bộ phận gián tiếp	3.757.038.061	3.321.274.142
<b>Cộng</b>	<b>14.171.991.525</b>	<b>12.409.150.714</b>

**4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Lãi vay dự trả	144.312.290	178.373.422
Tiền thuê đất	2.457.460.028	416.149.728
Trích trước chi phí vận chuyển	160.999.850	423.448.836
Trích trước tiền điện	466.331.778	569.078.865
Trích trước hoa hồng giới thiệu	22.013.640	119.843.800
Các khoản trích trước khác	302.944.298	757.318.009
<b>Cộng</b>	<b>3.554.061.884</b>	<b>2.464.212.660</b>

**4.16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Doanh thu nhận trước cho thuê nhà	227.156.000	340.556.000
<b>Cộng</b>	<b>227.156.000</b>	<b>340.556.000</b>

**4.17. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.000.000.000	1.000.000.000
Kinh phí công đoàn	1.108.143.365	933.964.156
BHXXH, BHYT, BHTN	100.042.090	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	124.278.110	124.278.110
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.174.834.000	900.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	402.617.921	413.578.067
<b>Cộng</b>	<b>3.909.915.486</b>	<b>3.371.820.333</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18. Vay và nợ thuê tài chính

	USD		Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		USD		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND		VND		USD		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (VND):										
Ngân hàng TMCP Công thương VN	43.012.748.757	43.012.748.757	318.370.169.829	363.892.231.810					88.534.810.738	88.534.810.738
- CN Ngũ Hành Sơn	1.665.057.132	1.665.057.132	45.500.465.857	53.733.036.767					9.897.628.042	9.897.628.042
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	1.944.335.999	1.944.335.999	40.858.377.398	53.547.182.355					14.633.140.956	14.633.140.956
- CN Đà Nẵng										
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	25.933.667.780	25.933.667.780	152.198.812.913	148.980.889.834					22.715.744.701	22.715.744.701
- CN Đà Nẵng	13.469.687.846	13.469.687.846	79.812.513.661	107.631.122.854					41.288.297.039	41.288.297.039
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam										
- CN Đà Nẵng										
Vay ngắn hạn (USD):	6.091.313,13 #	160.670.566.430	417.019.037.519	410.168.713.894			6.020.496,38 #	153.820.242.805	153.820.242.805	153.820.242.805
Ngân hàng TMCP Công thương VN										
- CN Ngũ Hành Sơn	1.109.606,00 #	29.268.077.462	77.122.313.315	79.090.026.741			1.222.488,00 #	31.235.790.888	31.235.790.888	31.235.790.888
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	2.503.055,00 #	66.023.081.735	148.123.652.959	122.377.372.724			1.576.700,00 #	40.276.801.500	40.276.801.500	40.276.801.500
- CN Đà Nẵng										
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	1.827.620,00 #	48.207.132.740	153.144.207.991	174.854.831.651			2.736.400,00 #	69.917.756.400	69.917.756.400	69.917.756.400
- CN Đà Nẵng	651.032,13 #	17.172.274.493	38.628.863.254	33.846.482.778			484.908,38 #	12.389.894.017	12.389.894.017	12.389.894.017
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam										
- CN Đà Nẵng										
Nợ dài hạn đến hạn trả:										
Ngân hàng TMCP Công thương VN	3.280.808.666	3.280.808.666	3.280.808.666	5.336.778.049				5.336.778.049	5.336.778.049	5.336.778.049
- CN Ngũ Hành Sơn	705.600.000	705.600.000	705.600.000	1.514.680.000				1.514.680.000	1.514.680.000	1.514.680.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam										
- CN Đà Nẵng	1.465.608.666	1.465.608.666	1.465.608.666	2.712.498.049				2.712.498.049	2.712.498.049	2.712.498.049
Quý Đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	1.109.600.000	1.109.600.000	1.109.600.000	1.109.600.000				1.109.600.000	1.109.600.000	1.109.600.000
Cộng	206.964.123.853	206.964.123.853	738.670.016.014	779.397.723.753				247.691.831.592	247.691.831.592	247.691.831.592

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2025		Trong năm		Tại ngày 01/01/2025	
	USD	VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	USD	VND
Vay dài hạn: Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Ngũ Hành Sơn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Đà Nẵng Quý Đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng			3.114.904.026	3.114.904.026		6.395.712.692
			1.872.200.000	1.872.200.000		2.577.800.000
			133.104.026	133.104.026		1.598.712.692
			1.109.600.000	1.109.600.000		2.219.200.000
			3.114.904.026	3.114.904.026		6.395.712.692
Cộng			-	-		6.395.712.692

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Đà Nẵng	Hợp đồng số 112-00046496.14051/2 025/HĐTD ngày 23/07/2025	60.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	- Máy dò kim loại Anritsu, Model: KDS4510BW thuộc sở hữu của KH. - Cụm máy nén trục vít Mycom. - Dàn ngưng công suất 1000KW. - Xe tải nhỏ ISUZU 2,5 tấn, BKS 43C-246.95, sản xuất năm 2020. - Máy dò tạp chất Xray thuộc sở hữu của KH. - Bể lắng cát bơm BTTB-300-9LP sản xuất tại Việt Nam (03 bể lắng) thuộc sở hữu của KH. - Máy đánh bột khô, mã hiệu MDB-300-TN thuộc sở hữu của KH. - Thiết bị cấp đông IQF công suất 500kg/h thuộc sở hữu của KH. - Máy đóng gói hút chân, Model: J-V006 thuộc sở hữu của KH, sản xuất năm 2020. - Máy đóng gói hút chân không dạng băng tải, Model J-VO21, sản xuất năm 2020. - Máy đá xay MĐV-20T, sản xuất tại Việt Nam thuộc sở hữu của KH. - Thiết bị cấp đông siêu tốc đơn 500kg/h Glory Thermal JCT-S 500 thuộc sở hữu của KH.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đà Nẵng	Hợp đồng cho vay hạn mức số 216/2025/CTD/CV/VCB-KHDN ngày 23/06/2025	100.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy rã đông cá, mã hiệu MRD-1T-TN thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Máy đánh bột nước, mã hiệu MKB-TN thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Dàn ngưng công suất 450kW thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất số 47/2010/VCB-ĐN ngày 20/10/2010.</li> <li>- Hợp đồng Thế chấp tài sản số 29/2011/VCB-ĐN ngày 30/03/2011.</li> <li>- Hợp đồng Thế chấp tài sản số 049/2011/VCB-ĐN ngày 06/05/2011.</li> <li>- Hợp đồng Thế chấp hàng hóa số 26/2019/VCB-ĐN ngày 10/05/2019.</li> <li>- Hợp đồng Thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 25/2019/VCB-ĐN ngày 10/05/2019.</li> <li>- Hợp đồng Cầm cố số dự tiên gửi có kỳ hạn số 185/2022/VCB-ĐN ngày 31/10/2022.</li> </ul>
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Đà Nẵng	Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-02022026SEA ngày 05/02/2026	80.000.000.000 VND	12 tháng	7,3%/năm tại thời điểm ký Hợp đồng. Lãi suất điều chỉnh kỳ hạn 6 tháng theo lãi suất thả nổi	Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh năm 2026	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 16, địa chỉ 261-263 Phan Châu Trinh, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 280282 (Số vào sổ cấp GCN: T 01657) do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 18/04/2008 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2000LAV/2011/HĐTC/BĐS/SEA ký kết ngày 06 tháng 07 năm 2011.</li> <li>- Phân xưởng chế biến số 3 và Kho lạnh 800 tấn, cùng toàn bộ máy móc thiết bị thuộc tài sản thế chấp này theo Hợp đồng thế chấp số 07/2015/HĐTC/SEA ký kết ngày 28/07/2015.</li> <li>- Hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp số 2023/HĐTC_HH/SEA_AGRI ngày 23/08/2023</li> </ul>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Ngũ Hành Sơn	Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025-HĐCVHM/NHCT48 6-SEA ngày 28/08/2025	50.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	<div>- Thẻ chấp theo Hợp đồng thế chấp số 018/HĐTCTS ngày 01/06/2006. - Thẻ chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐTC-QTS ngày 15/07/2013 - Thẻ chấp tài sản là Trại phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ra công chúng ngày 20/07/2023, đáo hạn ngày 20/07/2023 theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 01/2023/HĐBBĐ/NHCT486-SEA. - Hợp đồng Cầm cố sổ dư tiền gửi có kỳ hạn số 01/2024/HĐBBĐ/NHCT486-SEA ngày 23/04/2024</div>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Ngũ Hành Sơn	Hợp đồng số 01/2018-HĐCVTL/NHCT4 86-SEA	10.900.000.000 VND	84 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư 01 thiết bị cấp đông IQF siêu tốc 750kg/h, tái đông 900kg/h, máy nén, dàn ngưng và 02 máy dò kim loại Model KDS 4510ABW phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thủy sản	- Dây chuyền cấp đông IQF siêu tốc 750kg/h, tái đông 900kg/h, Glory Thermal Jet – M7505; - Hệ thống máy nén, dàn ngưng; - Máy dò kim loại Model KDS451ABW.
	Hợp đồng số 01/2019/HĐBĐ/N HCT486/SEA	2.400.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Thanh toán đợt 2 40% tiền mua máy hấp luộc Anh Phát.	- Máy hấp 750kg/h, chế tạo Anh Phát, model MH-750-TN, công dụng hấp tôm và các sản phẩm khác.
	Hợp đồng số 01/2024-HĐCVTL/NHCT4 86-SEA	2.575.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư mua 1 máy cấp đông IQF BELT Inox phẳng 750Kg/h, model:IQF-750P-TN phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thủy sản	- 01 Máy cấp đông IQF BELT Inox phẳng 750Kg/h, model: IQF-750P-TN
	Hợp đồng số 02/2024-HĐCVTL/NHCT4 86-SEA	950.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư mua 01 Máy rửa dụng cụ - Model: TWM-TN, công suất 500-1.000 cái/h; 01 Máy rửa đông cá - Model: MRDC-TN, công suất 1.000 kg/h; 01 cân tổ hợp tự động - Model: CTD-24-TN, công suất: Trung bình từ 20-30 tổ hợp/phút	- 01 Máy rửa dụng cụ - Model: TWM-TN, công suất 500-1.000 cái/h - 01 Máy rửa đông cá - Model: MRDC-TN, công suất 1.000 kg/h - 01 cân tổ hợp tự động - Model: CTD-24-TN, công suất: Trung bình từ 20-30 tổ hợp/phút"

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Đà Nẵng	Hợp đồng số 112-00004684.01648/2023/HĐTD ngày 12/05/2023	9.900.000.000 VND	Vay trung hạn	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng tải tôm bột BTTB-300-9LP sản xuất tại Việt Nam (03 bảng tải) thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Máy đá vẩy MEV-20T, sản xuất tại Việt Nam thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Thiết bị cấp đông siêu tốc đơn 500kg/h Glory Thermal JCT-S 500 thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Xe ô tô tải (thùng kín), sản xuất năm 2020 tại Việt Nam thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- 2 máy đóng gói hút chân không, mã hiệu J-V006 thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Máy rửa đông cá, mã hiệu MRD-1T-TN thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Máy đóng gói hút chân không dạng băng tải, Model: J-V021 thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Máy dò kim loại Anritsu, Model: KDS4510BW thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Máy đánh bột khô, mã hiệu MDB-300-TN thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Máy đánh bột nước, mã hiệu MKB-TN thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Dàn ngưng công suất 450kW thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Dàn ngưng công suất 1000kW thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Máy dò tạp chất Xray thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Cụm máy nén trục vít MYCOM thuộc sở hữu của KH.</li> <li>- Thiết bị cấp đông IQF công suất 500kg/h thuộc sở hữu của KH.</li> </ul>
Quý Đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	Hợp đồng số 13/2022/HĐTD ngày 26/08/2022	5.548.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Thanh toán chi phí đầu tư của dự án Đầu tư máy phân cỡ gam công nghệ cao cho Tôm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài sản thế chấp là tài sản hình thành trong tương lai (01 máy phân cỡ camera 6 size) thuộc dự án Đầu tư máy phân cỡ gam công nghệ cao cho Tôm theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 29/2022/HĐTC ngày 26/08/2022.</li> <li>- Tài sản thế chấp là 14 máy móc chuyên dùng theo hợp đồng thế chấp số 30/2022/HĐTC ngày 20/09/2022.</li> </ul>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.19. Vốn chủ sở hữu

4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2024	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	(7.449.803.343)	123.836.780.417	
Lãi trong năm trước	-	-	-	8.348.857.372	8.348.857.372	
Tại ngày 01/01/2025	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	899.054.029	132.185.637.789	
Lãi trong năm nay	-	-	-	7.504.558.799	7.504.558.799	
Tại ngày 31/12/2025	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	8.403.612.828	139.690.196.588	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	43.675.380.000	43.675.380.000
Vốn góp của các cổ đông khác	76.324.620.000	76.324.620.000
<b>Cộng</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>

**4.19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>

**4.19.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

**4.19.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.504.558.799	8.348.857.372
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	7.504.558.799	8.348.857.372
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>625</b>	<b>696</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.19.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2025</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2024</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.504.558.799	8.348.857.372
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LNST	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>7.504.558.799</u>	<u>8.348.857.372</u>
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>12.000.000</u>	<u>12.000.000</u>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>625</b>	<b>696</b>

Năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty chưa thông qua kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Theo đó, lợi nhuận sau thuế TNDN để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 là toàn bộ lãi sau thuế của cổ đông Công ty, các chỉ tiêu này của năm 2025 có thể sẽ thay đổi khi Công ty có quyết định về việc trích quỹ trong tương lai.

**4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<b>Tại ngày</b> <b>31/12/2025</b>	<b>Tại ngày</b> <b>01/01/2025</b>
Ngoại tệ các loại USD	74.079,45	423.462,47
	<b>Tại ngày</b> <b>31/12/2025</b> <b>VND</b>	<b>Tại ngày</b> <b>01/01/2025</b> <b>VND</b>
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Công ty TNHH Mỹ Đức - Xóa sổ do tồn đọng lâu	87.511.000	87.511.000
Seatraco - Xóa sổ do Doanh nghiệp phá sản	1.540.050.033	1.540.050.033
Công ty TNHH Tân Hải Hưng - Xóa sổ do tồn đọng lâu	318.571.653	318.571.653
Công ty CP Bê Tông Ly Tâm Dung Quất - Xóa sổ do tồn đọng lâu	128.132.540	128.132.540
Các cá nhân khác - Xóa sổ do tồn đọng lâu	82.603.415	82.603.415

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2025</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2024</b> <b>VND</b>
Doanh thu hải sản	813.825.909.451	710.604.466.801
Doanh thu sản xuất thức ăn tôm, cá gia súc	5.249.854.167	7.313.300.431
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.366.775.472	7.586.438.496
<b>Cộng</b>	<b>825.442.539.090</b>	<b>725.504.205.728</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Năm 2025</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2024</b> <b>VND</b>
Chiết khấu thương mại	113.442.859	174.873.328
Hàng bán bị trả lại	-	13.950.000
<b>Cộng</b>	<b>113.442.859</b>	<b>188.823.328</b>

**5.3. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2025</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2024</b> <b>VND</b>
Giá vốn hải sản	744.827.996.839	645.799.941.698
Giá vốn sản xuất thức ăn tôm, cá gia súc	5.621.207.484	7.178.817.582
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.643.327.808	2.941.773.378
<b>Cộng</b>	<b>753.092.532.131</b>	<b>655.920.532.658</b>

**5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2025</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2024</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	214.580.570	218.442.369
Lãi đầu tư	89.700.000	62.465.754
Cổ tức, lợi nhuận được chia	262.017.600	262.029.000
Lãi bán chứng khoán	115.696	-
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	7.471.751.378	5.728.268.336
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	984.095.532
<b>Cộng</b>	<b>8.038.165.244</b>	<b>7.255.300.991</b>

**5.5. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2025</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2024</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	11.110.522.039	13.701.377.359
Phí lưu ký chứng khoán	723.895	723.895
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	2.417.761.929	3.304.851.006
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	318.905.974	-
<b>Cộng</b>	<b>13.847.913.837</b>	<b>17.006.952.260</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.6. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	99.323.134	93.866.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	15.524.139.694	15.149.932.036
<b>Cộng</b>	<b>15.623.462.828</b>	<b>15.243.799.015</b>

**5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	34.425.669.046	33.178.136.167
Chi phí đồ dùng văn phòng	478.060.606	346.575.295
Chi phí khấu hao TSCĐ	711.089.886	720.000.000
Thuế, phí, lệ phí	18.498.636	18.498.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.445.969.911	1.568.452.523
Chi phí bằng tiền khác	3.387.696.993	4.316.705.782
Hoàn nhập chi phí dự phòng	-	(4.206.564.148)
<b>Cộng</b>	<b>40.466.985.078</b>	<b>35.941.804.255</b>

**5.8. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
UBND hỗ trợ	-	890.000.000
Thu từ bồi thường	91.150.422	24.064.212
Thu thanh lý CCDC	81.314.703	66.868.687
Lãi thanh lý TSCĐ	5.181.818	-
Thu hồi công nợ đã xóa sổ	40.000.000	-
Thu nhập khác	285.420	85.544.766
<b>Cộng</b>	<b>217.932.363</b>	<b>1.066.477.665</b>

**5.9. Chi phí khác**

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Phí thi hành án	-	142.714.355
Thanh lý vật tư	314.982.425	-
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế	225.454.696	131.811.954
Chi phí khác	-	96.867.109
<b>Cộng</b>	<b>540.437.121</b>	<b>371.393.418</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	10.013.862.843	9.152.679.450
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	677.144.689	604.745.487
Điều chỉnh tăng	939.162.289	970.777.191
- <i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	600.000.000	600.000.000
- <i>Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế</i>	224.621.892	131.811.954
- <i>Lãi CLTG đánh giá lại cuối năm trước tiền và nợ phải thu</i>	43.471.891	-
- <i>Lỗ CLTG đánh giá lại cuối năm nay tiền và nợ phải thu</i>	70.235.702	-
- <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	832.804	238.965.237
Điều chỉnh giảm	262.017.600	366.031.704
- <i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	262.017.600	262.029.000
- <i>Lãi CLTG đánh giá lại cuối năm nay tiền và nợ phải thu</i>	-	43.471.891
- <i>Lỗ CLTG đánh giá lại cuối năm trước tiền và nợ phải thu</i>	-	60.530.813
Tổng thu nhập chịu thuế	10.691.007.532	9.757.424.937
- <i>Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế</i>	9.707.564.664	6.322.764.951
- <i>Thu nhập của hoạt động khác</i>	983.442.868	3.434.659.986
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang (hoạt động khác)	-	4.398.611.084
Tổng thu nhập tính thuế	10.691.007.532	5.358.813.853
- <i>Hoạt động ưu đãi</i>	9.707.564.664	5.358.813.853
- <i>Hoạt động không ưu đãi</i>	983.442.868	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- <i>Thuế suất thuế TNDN hoạt động ưu đãi</i>	15%	15%
- <i>Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác</i>	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.652.823.274	803.822.078
- <i>Thuế TNDN của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế</i>	1.456.134.700	803.822.078
- <i>Thuế TNDN của hoạt động khác</i>	196.688.574	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>2.509.304.044</b>	<b>803.822.078</b>
<b>Trong đó:</b>		
- <i>Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này</i>	1.652.823.274	-
- <i>Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này</i>	856.480.770	-

**5.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	584.422.006.063	530.319.765.110
Chi phí nhân công	131.474.273.565	125.329.470.133
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.121.332.881	11.181.613.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.013.681.085	53.006.048.778
Chi phí khác bằng tiền	7.461.732.136	7.531.117.802
<b>Cộng</b>	<b>796.493.025.730</b>	<b>727.368.014.875</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	735.389.207.348	721.181.339.001
<b>Cộng</b>	<b>735.389.207.348</b>	<b>721.181.339.001</b>

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	779.397.723.753	681.048.422.250
<b>Cộng</b>	<b>779.397.723.753</b>	<b>681.048.422.250</b>

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý kinh doanh như sau:

- Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy Sản.
- Công ty Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Thọ Quang.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Công ty PTNL Thủy sản		Công ty CB & XK TS Thọ Quang	
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bộ phận	5.813.684.033	7.474.623.732	-	-
- Từ khách hàng bên ngoài	5.813.684.033	7.474.623.732	-	-
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-
Chi phí bộ phận	6.178.442.367	8.126.933.698	-	-
- Từ khách hàng bên ngoài	6.178.442.367	8.126.933.698	-	-
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động kinh doanh	(364.758.334)	(652.309.966)	-	-
Lãi vay	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hữ tài chính khác	667.719	975.985	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	667.719	975.985	-	-
Thu nhập khác	98.872.850	5.350	-	-
Chi phí khác	315.815.229	123.629	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động khác	(216.942.379)	(118.279)	-	-
Lợi nhuận trước thuế TNDN	(581.032.994)	(651.452.260)	-	-
Thuế TNDN	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(581.032.994)	(651.452.260)	-	-
Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Công ty PTNL Thủy sản		Công ty CB & XK TS Thọ Quang	
	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tài sản bộ phận	8.664.896.103	9.247.299.741	57.193.681	57.554.858
Tổng tài sản	8.664.896.103	9.247.299.741	57.193.681	57.554.858
Nợ phải trả bộ phận	97.381.159	679.784.797	57.193.681	57.554.858
Tổng nợ phải trả	97.381.159	679.784.797	57.193.681	57.554.858

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Vấn phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bộ phận	819.515.412.198	717.840.758.668	-	-	825.329.096.231	725.315.382.400
- Từ khách hàng bên ngoài	819.515.412.198	717.840.758.668	-	-	825.329.096.231	725.315.382.400
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Chi phí bộ phận	803.004.537.670	698.979.202.230	-	-	809.182.980.037	707.106.135.928
- Từ khách hàng bên ngoài	803.004.537.670	698.979.202.230	-	-	809.182.980.037	707.106.135.928
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động KD	16.510.874.528	18.861.556.438	-	-	16.146.116.194	18.209.246.472
Lãi vay	11.110.522.039	13.701.377.359	-	-	11.110.522.039	13.701.377.359
Lãi (lỗ) hỗ tài chính khác	5.300.105.727	3.948.750.105	-	-	5.300.773.446	3.949.726.090
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	(5.810.416.312)	(9.752.627.254)	-	-	(5.809.748.593)	(9.751.651.269)
Thu nhập khác	119.059.513	1.066.472.315	-	-	217.932.363	1.066.477.665
Chi phí khác	224.621.892	371.269.789	-	-	540.437.121	371.393.418
Lãi (lỗ) hoạt động khác	(105.562.379)	695.202.526	-	-	(322.504.758)	695.084.247
Lợi nhuận trước thuế	10.594.895.837	9.804.131.710	-	-	10.013.862.843	9.152.679.450
Thuế TNDN	2.509.304.044	803.822.078	-	-	2.509.304.044	803.822.078
Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.085.591.793	9.000.309.632	-	-	7.504.558.799	8.348.857.372
Tài sản bộ phận	379.760.698.458	408.589.599.725	(7.749.731.323)	(7.065.315.732)	380.733.056.919	410.829.138.592
Tổng tài sản	379.760.698.458	408.589.599.725	(7.749.731.323)	(7.065.315.732)	380.733.056.919	410.829.138.592
Nợ phải trả bộ phận	248.638.016.814	284.971.476.880	(7.749.731.323)	(7.065.315.732)	241.042.860.331	278.643.500.803
Tổng nợ phải trả	248.638.016.814	284.971.476.880	(7.749.731.323)	(7.065.315.732)	241.042.860.331	278.643.500.803





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

**Danh sách các bên liên quan**

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam  
HĐQT và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang

**Mối quan hệ**

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể  
Nhân sự quản lý chủ chốt  
Công ty liên kết

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Đỗ Mạnh Linh	Ủy viên HĐQT	90.000.000	63.750.000
Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan	Ủy viên HĐQT	90.000.000	90.000.000
Ông Phạm Trường Giang	Ủy viên HĐQT	90.000.000	90.000.000
Ông Trần Hữu Hoàng	Ủy viên HĐQT	90.000.000	90.000.000
Bà Đỗ Thị Bích Vân	Ủy viên HĐQT	-	26.250.000
Ông Võ Quốc Việt	Trưởng BKS	48.000.000	34.000.000
Bà Phạm Thị Thúy Hằng	Thành viên BKS	36.000.000	39.500.000
Ông Vũ Văn Đông	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
Ông Lưu Mạnh Cường	Thành viên BKS	-	10.500.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bà Trần Như Thiên My	Tổng Giám đốc	801.895.000	732.509.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	672.697.700	595.831.900
Ông Lê Thanh Phương	Kế toán trưởng	460.171.000	397.899.800

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG*****Công ty là bên cho thuê***

Công ty cho thuê nhà và dịch vụ kho lạnh lưu trữ hàng thủy sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê nhà và dịch vụ kho lạnh lưu trữ hàng thủy sản có kỳ hạn là 1 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	6.366.775.472	7.586.438.496
<b>Cộng</b>	<b>6.366.775.472</b>	<b>7.586.438.496</b>

***Công ty là bên đi thuê***

Hợp đồng thuê đất với Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng KCN Đà Nẵng tổng diện tích thuê 29.630,8 m<sup>2</sup>, giá thuê theo chỉ đạo của UBND thành phố Đà Nẵng (hiện tại giá thuê lại đất là 42.460 VND/m<sup>2</sup>) và thời hạn thuê 40 năm (từ ngày 14 tháng 12 năm 2001 đến ngày 14 tháng 12 năm 2041) với số tiền thuê trả tiền hàng năm.

Hợp đồng thuê đất với Công ty Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Quảng Nam – Đà Nẵng tổng diện tích thuê 20.020 m<sup>2</sup>, giá thuê là 0,524 USD/m<sup>2</sup>/năm. Công ty được miễn tiền thuê đất đến hết năm 2005 và thời hạn thuê 45 năm kể từ ngày ký hợp đồng ngày 02 tháng 03 năm 2002.

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	3.409.082.801	1.367.772.501
<b>Cộng</b>	<b>3.409.082.801</b>	<b>1.367.772.501</b>

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**11. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

Công ty đang phát sinh các vụ kiện thu hồi nợ với hai công ty, bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR. Theo đó:

- Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân: Ngày 21/01/2020, Công ty đã nộp hồ sơ, đơn khởi kiện với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân tại Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình. Qua nhiều phiên tòa xét xử, ngày 10/08/2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình ra Quyết định số 03/2020/QĐST-KDTM công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, quyết định có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Theo đó, Công ty chấp nhận lịch trả nợ mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân đưa ra tại công văn số 87/CV-ĐQ ngày 13/07/2020. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân mới chỉ thanh toán được 300.000.000 VND. Luật sư sẽ phải thực hiện yêu cầu thi hành án theo quyết định của Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR: Ngày 20/01/2020, Công ty đã nộp đơn khởi kiện với Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR đến Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Ngày 31/12/2020, Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình. Ngày 29/04/2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình lập biên bản hòa giải. Theo đó: đại diện Công ty giữ nguyên nội dung theo đơn khởi kiện và bản tự khai, đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR đồng ý thanh toán nợ theo đơn khởi kiện. Ngày 11/5/2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình gửi giấy báo triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 22/06/2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình tuyên án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR, buộc Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền 23.986.810.400 VND nợ gốc theo Hợp đồng kinh tế số 1208 – 2017/3GR-SPD ngày 12/08/2017 và 10.827.246.434 VND nợ lãi tính từ ngày 01/12/2017 đến 22/6/2021, tổng cộng là 34.814.056.834 VND. Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền nợ trên, Công ty có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 2.000.000 cổ phiếu FTM do Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân phát hành là tài sản của bà Phạm Thị Hà theo hợp đồng cầm cố ngày 15 và 17/08/2017 để thu hồi nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR tiếp tục trả cho Công ty đến khi trả xong nợ. Tại ngày 11/08/2023, Cục thi hành án Thái Bình tiến hành xử lý tài sản với giá trị thu hồi là 1.127.085.358 VND. Cục thi hành án Thái Bình đã gửi Thông báo số 410/TB-CTHADS ngày 22/11/2023 về việc nhận tiền sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi nợ là 177.559.367 VND, số tiền còn lại Công ty nhận được từ giá trị thu hồi là: 949.525.991 VND.



**Trần Ngọc Thiên My**  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2026

**Lê Thanh Phương**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Việt**  
Người lập





Số: 12/CV-CT

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2026

V/v “Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính đã được  
kiểm toán cho năm tài chính, kết thúc ngày 31/12/2025”

**Kính gửi: UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung (Mã chứng khoán: SPD) – địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, P. Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng, MST : 0400100778 - giải trình số liệu chênh lệch Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính, kết thúc ngày 31/12/2025 so với cùng kỳ năm 2024, như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2025/ cùng kỳ 2024	
			Giá trị (đ)	%
Lợi nhuận sau thuế	8,348,857,372	7,504,558,799	(844,298,573)	(10.11)

Thực hiện năm 2025 doanh thu toàn Công ty đạt 825.44 tỷ đồng, tăng 13.78% so với cùng kỳ (725.50 tỷ đồng), trong đó: Sản xuất xuất khẩu thủy sản có tỷ trọng lớn tới 98.59% doanh thu của Công ty, số tiền 813.83 tỷ đồng, tăng 14.53% (tương ứng tăng 103.21 tỷ đồng) so với cùng kỳ 2024 (710.60 tỷ đồng).

Xuất khẩu thủy sản năm 2025 của Việt Nam đã có một kết quả rất tốt, đạt trên 11,34 tỷ USD, tăng 13% so với năm 2024. Cả năm 2025, cơ cấu xuất khẩu các mặt hàng của Việt Nam khá đồng đều, trong đó, **Tôm** đạt 4,65 tỷ USD, tăng 20% so với năm 2024, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch (tôm hùm đang tăng vai trò đóng góp cho ngành tôm, với kim ngạch 817 triệu USD, tăng gấp hơn 2 lần so với năm trước).

Công ty CP XNK Thủy Sản Miền Trung (SEADANANG) cũng đã trải qua một năm 2025 với nhiều cung bậc thăng trầm, bước vào 2025 với sự tự tin từ một kết quả đủ để tự tin hơn của 2024, được khách hàng đánh giá tốt và nhiều cơ hội phát triển, nhưng những biến cố của thị trường, bắt đầu từ thuế đối ứng của Mỹ, kéo theo một loạt phản xạ của các doanh nghiệp về nhu cầu nguyên vật liệu, về tăng thời gian giao hàng, khiến cho giá nguyên liệu, giá vận tải tàu biển tăng, tình trạng thiếu container lại xảy ra, ảnh hưởng kéo theo nhiều hoạt động khác... Các thị trường khác cũng giao dịch trong trạng thái kỳ vọng giá xuống, dù tồn kho giảm nhiều, nên có những thời điểm Công ty thiếu hợp đồng xuất khẩu Tôm, dù định hướng giảm Tôm – tăng Cá. Nhưng từ giữa quý 3/2025 – Công ty dần thay đổi được cục diện, ổn định hơn. Điều đáng để vui, là kết quả lợi nhuận năm nay thực sự đến từ hoạt động sản xuất - kinh doanh lõi của Công ty! Dù bối cảnh khó khăn, Công ty chưa khi nào để người lao động thiếu việc làm, thu nhập luôn được đảm bảo, các chế độ phúc lợi luôn được chú ý, nâng lên,....



Năm 2025, lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đạt 6.37 tỷ đồng, giảm 1.22 tỷ đồng so cùng kỳ (7.59 tỷ đồng) và sản xuất thức ăn nuôi thủy sản đạt 5.25 tỷ đồng giảm 2.06 tỷ đồng so cùng kỳ (7.31 tỷ đồng);

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 7,50 tỷ đồng, hiệu quả đạt được trong năm chủ yếu đến từ lĩnh vực sản xuất xuất khẩu thủy sản. Đây là kết quả của sự nỗ lực của Ban lãnh đạo, sự đoàn kết, đồng ý chí của đội ngũ quản lý của Công ty, từ tinh thần làm việc trách nhiệm của tất cả các phòng ban đến sự cố gắng rất tốt của đội ngũ lao động sản xuất trực tiếp – đó cũng chính là nét văn hóa đáng quý đã có được ở SEADANANG. So với cùng kỳ lợi nhuận giảm 0.84 tỷ đồng (Năm 2024 lợi nhuận đạt 8.35 tỷ đồng, đã bao gồm khoản hoàn nhập dự phòng công nợ hơn 4.2 tỷ đồng).

Trên đây là giải trình những chỉ tiêu biến động trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính, kết thúc ngày 31/12/2025 so với cùng kỳ 2024 để Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và toàn thể Cổ đông được biết.

Trân trọng,

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT, P. TCKT

**CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN MIỀN TRUNG**



*Trần Như Thiên My*



Số: 13/CV-CT

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2026

"Giải trình về ý kiến ngoại trừ báo cáo tài chính  
đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025"

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung (Mã chứng khoán: SPD) xin chân thành cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời gian qua.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung xin giải trình về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025:

**Ý kiến ngoại trừ của Công ty kiểm toán:**

Như trình bày tại Thuyết minh số 4.2, Kiểm toán viên không thu thập được Báo cáo tài chính cũng như các thông tin báo cáo tài chính của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP Đầu tư New City Seadanang, các thủ tục thay thế cũng không thực hiện được. Tổng giá gốc của khoản đầu tư liên kết nêu trên tại ngày 31/12/2025 là 18.365.570.000 VND. Với hạn chế này chúng tôi không thể xem xét việc dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo quy định. Do hạn chế phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về ảnh hưởng của khoản đầu tư nêu trên đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính.

**Giải trình từ phía Công ty:**

Trong công tác chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị thường kỳ tại các cuộc họp của Công ty luôn quan tâm và tìm hướng xử lý đối với khoản đầu tư này bằng các chỉ đạo công việc cụ thể; Công ty đã nhiều lần gửi công văn, gần nhất số 03P/TB-CT ngày 16/01/2026 "Đề nghị NCS thực hiện nghĩa vụ đối với cổ đông lần 3 và thông báo các áp dụng biện pháp lý do NCS vi phạm quyền cổ đông".

Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn không nhận được phản hồi về việc cung cấp các báo cáo từ Công ty Công ty CP Đầu tư New City Seadanang.

Trên đây là giải trình về ý kiến ngoại trừ trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 để Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và toàn thể Cổ đông được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT, P. TCKT

CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN MIỀN TRUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Như Thiên My